

ÔN TẬP NGỮ VĂN 7 – HKI
NỘI DUNG ÔN TẬP

- Văn bản + Tiếng Việt: học từ tuần 1 đến tuần 15.
- Tập làm văn: Biểu cảm về vật, người hoặc tác phẩm thơ.

CẤU TRÚC ĐỀ

1. Phần đọc hiểu: 5 điểm.
2. Phần tạo lập văn bản (Tập làm văn): 5 điểm.

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

I. PHẦN VĂN BẢN

- Nắm được: tên tác phẩm, tên tác giả, thể loại, phương thức biểu đạt.
- Trả lời câu hỏi phải diễn đạt thành câu, đưa câu hỏi vào phần trả lời.

II. TIẾNG VIỆT

- Nắm được khái niệm, nhận biết, đặt câu.
- Lưu ý : xem lại tất cả các bài tập trong SGK của các bài học.
- * **Khi làm bài nhận biết hoặc đặt câu cần gạch chân dưới từ được yêu cầu.**

1. Từ ghép

- * Nắm khái niệm
- * Biết phân biệt:
 - + từ ghép chính phụ: cha mẹ, trăm bông...
 - + từ ghép đẳng lập: râu ria, bàn ghế...

2. Từ láy

- * Nắm khái niệm
- * Biết phân biệt:
 - + từ láy bộ phận:
 - láy âm: mênh mông, long lanh...
 - láy vần: lao xao, lênh đênh...
 - + từ láy toàn bộ: xa xa, luôn luôn...
- * Trường hợp đặc biệt:
 - + tiếng đứng trước bị biến đổi thanh điệu: thăm thẳm, cuộn cuộn....
 - + tiếng đứng trước bị biến đổi âm cuối và thanh điệu: bìm bịp, chiêm chiếp...

3. Từ Hán Việt

- * Biết giải nghĩa từ Hán Việt
- VD: lai vãng: qua lại, đại diện: thay mặt...

4. Từ đồng nghĩa

- * Nắm khái niệm: Là từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau
- * Phân loại từ đồng nghĩa:
 - + đồng nghĩa hoàn toàn: chén – bát, hoa- bông...
 - + đồng nghĩa không hoàn toàn: cho - biếu - tặng, chết- bỏ mạng – hi sinh...

5. Từ trái nghĩa

- * Nắm khái niệm: Là những từ có nghĩa trái ngược nhau.
- VD: sang >< hèn, ướm >< ráo...

6. Từ đồng âm

- * Nắm khái niệm: Là những từ giống nhau về âm thanh nhưng nghĩa khác xa nhau không liên quan gì với nhau.
- VD: cô: cô kính , cô phiếu, cô tay
- Lưu ý cách sử dụng từ đồng âm: phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa.
- VD:
 - bàn : bàn bạc, cái bàn -> từ đồng âm (phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau)

- chân: đau chân, chân bàn, chân núi -> từ nhiều nghĩa (các nghĩa của từ “chạy” có nét liên quan đến nhau: là bộ phận ở dưới, nâng đỡ)

7. Quan hệ từ

* Nắm khái niệm

* Phát hiện các lỗi về quan hệ từ

- Thừa QHT : **VD:** Qua việc làm đó đã cho thấy hẳn là một kẻ nhu nhược.
- Thiếu QHT: **VD:** Đẳng xa vắng lại tiếng cười các em học sinh đi học về.
- Dùng QHT không thích hợp về nghĩa

VD: Chúng em luôn luôn tranh thủ thời gian vì học tập.

- Dùng QHT mà không có tác dụng liên kết

VD: Bạn Nga **không những** học giỏi các môn tự nhiên **tuy nhiên** bạn ấy còn học giỏi các môn xã hội.

8. Đại từ

* Nắm khái niệm

* Biết nhận biết đại từ trong câu, đoạn văn

VD: Qua đình ngả nón trông đình

Đình **bao nhiêu** ngôi thương **mình bấy nhiêu**.

9. Thành ngữ

* Nắm khái niệm

* Hiểu và giải thích nghĩa của thành ngữ

VD: **Éch ngòi đáy giếng:** phê phán những kẻ hiểu biết cạn hẹp mà huênh hoang, tự phụ; khuyên ta phải mở rộng tầm hiểu biết

* Biết sử dụng thành ngữ để đặt câu

VD: Nó mới **chân ướt chân ráo** từ quê lên Thành phố nên còn nhiều ngỡ ngàng.

* BIÊN PHÁP TU TỪ

Điệp ngữ

* Nắm khái niệm

* Phân biệt các dạng điệp ngữ

+ Điệp ngữ nối tiếp

+ Điệp ngữ cách quãng

+ Điệp ngữ chuyên tiếp (vòng)

* Phân biệt điệp ngữ với lỗi lặp từ

VD: **Bạn Sơn** là lớp trưởng lớp em. **Bạn Sơn** học rất giỏi nên lớp em ai cũng quý mến **bạn Sơn**. (Lỗi lặp từ)

III. TẬP LÀM VĂN

1/ Biểu cảm về vật:

- Biểu cảm về mái trường.
- Biểu cảm về một thứ đồ chơi mà em thích.
- Biểu cảm về một món quà có ý nghĩa với em.

2/ Biểu cảm về người:

- Biểu cảm về cha, mẹ.
- Biểu cảm về thầy, cô.
- Biểu cảm về bạn bè.

***Lưu ý:**

- Đây đủ 3 phần, rõ ràng.
- Có miêu tả, tự sự nhưng đằng sau miêu tả, tự sự phải xen cảm xúc và suy nghĩ của mình để tránh sa vào bài văn miêu tả, tự sự đơn thuần.

3/ Biểu cảm về tác phẩm văn học:

*** Lưu ý:**

- Phải thuộc thơ.

- Phần mở bài phải chép được bài thơ (đối với thơ Thất ngôn bát cú và thất ngôn tứ tuyệt Đường luật).

- Biểu cảm theo bố cục của bài thơ.

- Thêm cảm nhận, suy nghĩ về câu thơ đằng sau mỗi đoạn phân tích nội dung, nghệ thuật để tránh sa vào bài văn phân tích tác phẩm dẫn đến lạc thể loại.

DÀN Ý MẪU

Cảm nghĩ về bài thơ “ Bánh trôi nước”

I. MỞ BÀI:

- Giới thiệu tác giả và bài thơ

- Chép lại bài thơ

II. THÂN BÀI:

- Bài thơ “Bánh trôi nước” là một bài thơ đa nghĩa.

- Ghi câu đầu

- Gọi tả chất bánh ngon lành, tinh khiết, chiếc bánh xinh xắn, dân dã bình dị mà đáng yêu. Nó hàm ẩn cho sự tự hào về vóc dáng uf ngườii phụ nữ: một làn da trắng ngần, một vóc dáng tròn trịa cân đối, một vẻ đẹp xinh xắn.

- Đáng lẽ với vẻ ngoài hoàn hảo như vậy, người phụ nữ phải đc hp, sung sướng. Nhưng số phận uf người phụ nữ trong bài thơ cũng là bi kịch của bao phụ nữ xưa:

- Ghi câu 2

- Thành ngữ “ba chìm bảy nổi” được vận dụng một cách tài tình cho ta thấy thật ngậm ngùi, chua xót với thân phận chìm nổi, bấp bênh vô định của người phụ nữ xưa.

- Không chỉ khổ vì sự trôi nổi, người phụ nữ trong thơ HXH còn bất hạnh vì:

- Ghi câu 3

- “rắn nát” là 2 từ trái nghĩa gọi tả 2 số phận khác nhau hoàn toàn. Hạnh phúc or bất hạnh, sung sướng hay khổ đau, ng phụ nữ đều phụ thuộc vào tay kẻ nặn, vào tay người đàn ông trong xh nam quyền. thương xót biết bao cho những thân phận bất hạnh, khổ đau ấy.

- Tuy nhiên, người phụ nữ trong thơ HXH luôn ngẩng cao đầu bởi một lẽ:

- Ghi câu cuối

- Cấu trúc quan hệ từ “mặc dầu...mà...vẫn...” như một sự khẳng định mãnh liệt cho sự bền vững, kiên trinh uf người phụ nữ. Vẻ đẹp của “tâm lòng son” là vẻ đẹp son sắt, thủy chung không phai mờ.

III. KẾT BÀI:

Bài thơ nói về chiếc bánh trôi nước nhưng wa đó biểu lộ sự cảm thông và tự hào đối với số phận, thân phận và phẩm chất uf người phụ nữ VN. Bài thơ mang giá trị nhân văn sâu sắc và có sức sống lâu bền là vì vậy.

***Đề cương chỉ mang tính chất tham khảo và bổ sung kiến thức chứ ko phải đề thi.**

Lưu ý:

• *Khi làm bài không được bỏ bất kì câu nào.*

• *Nếu không biết, làm theo suy nghĩ của mình, dù sai.*